

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 26/7/2019
V/v “tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA – NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Sỹ Lượng

2. Ông Cao Viết Mạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Xuân Quyền -Thư ký Tòa án nhân dân
thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ an
tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26/ 07/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST- DS ngày 24/12/2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 13/06/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Quang N, sinh năm 1969.

Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do.

Trú tại: Xóm a, xã N, thị xã T, Nghệ an (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1975

Chị Thái Thị T, sinh năm 1978.

Đều trú tại: Xóm B, xã N, huyện N, Nghệ An (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Quang N trình bày:

Gia đình anh N và gia đình chị T, anh Q tuy ở khác huyện nhưng địa bàn gần nhau và có quen biết nhau. Vợ chồng T, Q có vay tiền của gia đình anh N nhiều lần nhưng đã trả nợ xong. Đến ngày 30/05/2018 vợ chồng T, Q tiếp tục vay của gia đình anh N số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 15%/năm, tương đương 1,25%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, mục đích vay tiền để đi mua đất và làm thủ tục tách bìa đất, không cầm cố thế chấp tài sản gì. Đến hạn vợ chồng chị T, anh Q không trả nợ đúng như trong giấy vay tiền đã cam kết mà mới trả nợ được 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền nợ gốc, ngày trả nợ anh N không nhớ, còn tiền lãi không trả. Tính đến ngày anh N khởi kiện thì gia đình chị T, anh Q còn nợ của gia đình anh N số tiền là 118.000.000đ (một trăm mười tám triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi chưa trả. Anh N

đã yêu cầu vợ chồng chị T, anh Q trả nợ nhiều lần nhưng đều không trả. Do chị T, anh Q không chịu trả nợ đúng như thỏa thuận nên anh N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T, anh Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh N số tiền nợ gốc là 118.000.000đ (một trăm mười tám triệu đồng) và tiền lãi theo như giấy vay tiền đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T, anh Q phải trả lãi suất 15%/năm, tương đương 1,25%/tháng kể từ ngày 01/6/2018 của số tiền nợ gốc chưa trả là 118.000.000đ (một trăm mười tám triệu đồng) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/07/2019, thành tiền là $(118.000.000đ \times 1,25\%/tháng \times 13 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) = 20.404.000đ$ (hai mươi triệu, bốn trăm không bốn nghìn) tiền lãi. Anh N không yêu cầu chị T, anh Q phải trả lãi trên nợ lãi.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy vay tiền mặt (bản gốc).

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Thái hòa, tỉnh Nghệ An đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chị T, anh Q vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái hòa có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nên Tòa án không thể ghi lời khai, lấy ý kiến và tiến hành hòa giải theo quy định. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 280, 463, 466, 468, 470 BLDS 2015.

Buộc chị Thái Thị T, anh Nguyễn Hữu Q phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho anh Hoàng Quang N số tiền nợ gốc là 118.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ 01/06/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/07/2019 là 20.404.000đ (theo giấy vay tiền hai bên đã ký kết là 15%/năm), tổng cộng cả gốc và lãi là 138.404.000đ (một trăm ba tám triệu, bốn trăm linh bốn nghìn). Buộc chị T, anh Q phải chịu án phí DSST theo quy của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 BLTTDS, đồng thời tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hoàng Quang N và bị đơn ông Nguyễn Hữu Q, bà Thái Thị T được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” trong giấy vay tiền các đương sự đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ tên tuổi và đúng địa chỉ của bị đơn, nhưng qua xác minh tại địa phương, bị đơn mặc dù vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo với địa phương về việc vắng mặt để làm thủ tục tạm vắng, tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú, nên địa phương không biết hiện tại chị T, anh Q đang ở đâu, đồng thời chị T, anh Q cũng không thông báo cho anh N biết về nơi cư trú mới. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 40; Điểm b Khoản 2 Điều 227 BLDS năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết, xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn đối với bị đơn thấy rằng: Theo giấy vay tiền mặt ngày 30/05/2018 thì chị T, anh Q đã vay của gia đình anh N số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) mục đích là lấy tiền mua đất và tách bìa, lãi suất thỏa thuận 15%/năm, theo anh N từ ngày vay đến nay phía bị đơn mới trả được cho gia đình anh N số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền nợ gốc, tiền lãi chưa trả đồng nào. Phía bị đơn chị T, anh Q không tham gia tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nên xét yêu cầu của anh N đối với chị T, anh Q phải trả số tiền nợ gốc là 118.000.000đ (một trăm mười tám triệu đồng) là đúng với quy định tại Điều 463, 466 BLDS 2015.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn thấy rằng: Tại giấy vay tiền mặt ngày 30/05/2018 các đương sự đã thỏa thuận lãi suất là 15%/năm, tương đương 1,25%/tháng. Xét các bên có thỏa thuận về lãi suất không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay phù hợp với Khoản 1 Điều 468 BLDS nên có căn cứ để buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn. Cụ thể tiền lãi được tính theo yêu cầu của nguyên đơn là $118.000.000đ \times 1,25\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 25 \text{ ngày}$ (kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc là ngày 01/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 26/07/2019) = 20.404.000đ (hai mươi triệu, bốn trăm linh bốn nghìn) tiền lãi. Do anh N không yêu cầu chị T, anh Q phải trả lãi trên nợ lãi theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Từ sự phân tích trên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Thái Thị T, anh Nguyễn Hữu Q phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho anh Hoàng Quang N với số tiền là 138.404.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm linh bốn), trong đó tiền nợ gốc là 118.000.000đ, (một trăm mười tám triệu đồng), tiền lãi là 20.404.000đ (hai mươi triệu, bốn trăm linh bốn nghìn).

[6] Án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí toàn bộ án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 40; Điểm b Khoản 2 Điều 227;

Điều 463; 466; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang N.

Buộc bị đơn chị Thái Thị T, anh Nguyễn Hữu Q phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho anh Hoàng Quang N với số tiền là: 138.404.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm linh bốn nghìn), trong đó tiền nợ gốc là 118.000.000đ, (một trăm mười tám triệu đồng), tiền lãi là 20.404.000đ (hai mươi triệu, bốn trăm linh bốn nghìn).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn chị T, anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận trong giấy vay tiền mặt ngày 30/05/2018 Là 15%/năm, tương đương 1,25%/tháng.

3. Án phí: Chị Thái Thị T, anh Nguyễn Hữu Q phải chịu 6.920.200đ (sáu triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm đồng) án phí DSST.

Anh Hoàng Quang N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.950.000đ (hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo biên lai thu tiền số 0000468 ngày 20/12/2018.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn anh Hoàng Quang N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Vắng mặt bị đơn chị Thái Thị T, anh Nguyễn Hữu Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan

